

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG  
Số: **496** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Đắk Nông, ngày **25** tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn**  
**của các loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ các Thông tư: Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh; Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);





Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT/BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 37/TTr-SNN ngày 11/3/2024 và Công văn số 800/SNN-KL ngày 15 tháng 4 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của các loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Bảng giá cây giống và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn (tại Phụ lục kèm theo).

2. Giá công bố tại Quyết định này là giá thành tối đa tại vườn ươm và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn. Cây giống xuất vườn phải đảm bảo hồ sơ giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định pháp luật liên quan.

## **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của các loài cây trồng rừng quy định tại Điều 1 là căn cứ cho các chủ đầu tư thanh quyết toán vốn thuộc các chương trình, dự án, kế hoạch trồng rừng và trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn kinh phí trồng rừng thay thế và các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Trường hợp chủ đầu tư lựa chọn các loài cây trồng rừng khác hoặc lựa chọn các loài cây trồng rừng vượt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Quyết định này, chủ đầu tư thực hiện khảo sát, thu thập thông tin giá thị trường, lựa chọn nhà thầu cung ứng cây giống theo quy định hiện hành.

### **2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến việc sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh



doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (có sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn kinh phí trồng rừng thay thế và các nguồn vốn hợp pháp khác).

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Quá trình thực hiện nếu có biến động các yếu tố hình thành về giá (giá vật tư, nhân công...) hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống thay đổi theo tiến bộ của công nghệ sản xuất (vượt quá 20% so với đơn giá quy định); UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các tổ chức, cá nhân liên quan báo cáo, đề xuất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh Quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, đảm bảo theo quy định và phù hợp giá thị trường.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn giá cây giống phục vụ trồng rừng năm 2013 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (đề b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(Thị).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**

ĐẮK NÔNG



## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên loài cây (tên khoa học)	Giá cây giống (đồng/cây)	Tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn				Tiêu chuẩn hình thái
			Đường kính gốc (cm)	Chiều cao (cm)	Thời gian tạo giống (tháng/tuổi)	Kích thước vỏ bầu (cm)	
1	Keo lai giảm hom ( <i>Acacia hybrid</i> )	2.000	0,3 - 0,4	25 - 35	2 - 4	6x10	Cây cứng cáp, không cắt ngọn, lá xanh, cây khỏe và không có biểu hiện bị sâu bệnh, có từ 10 đến 15 lá
2	Sao đen ( <i>Hopea odorata Roxb</i> )	6.900	≥ 0,6	≥ 80	10 - 12	10x16	Cây cứng cáp, không cắt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt, không có biểu hiện sâu bệnh hại.
3	Muồng đen ( <i>Senna siamea (Lam.) H.S.Irwin &amp; Barneby</i> )	4.400	0,3 - 0,4	30-45	5 - 6	7x12	Cây sinh trưởng tốt thân thẳng, cân đối, không bị sâu bệnh, cắt ngọn.
4	Dầu rái ( <i>Dipterocarpus Alatus</i> )	4.700	≥ 0,8	≥ 80	12	13x16	Cây khỏe, cân đối, không cắt ngọn, không bị sâu hại.
5	Thông ba lá ( <i>Pinus Kesiya Royle ex Gordon</i> )	5.500	≥ 0,6	≥ 20	6 - 8	8x15	Cây cứng khỏe, không cắt ngọn, không bị nấm bệnh, lá chuyển từ màu xanh lục sang màu xanh chuối non.
6	Mắc ca ( <i>Macadamia</i> )	45.000	1 - 1,7	50 - 70	6 - 12	16x19	Cây sinh trưởng, phát triển tốt, khỏe mạnh, lá xanh, không cắt ngọn, không có dấu hiệu của các loại bệnh hại. Chiều cao từ mặt bầu đến vị trí ghép từ 20 cm đến 25 cm; vết ghép đã liền sẹo. Chồi ghép mọc ra từ hom ghép; thân chồi ghép đã hóa gỗ và có ít nhất 2 vòng lá.
7	Bời lời đỏ ( <i>Litsea glutinosa</i> )	4.200	0,4 - 0,5	40 - 50	5 - 6	10x15	Cây khỏe mạnh, sinh trưởng tốt, không cong queo, không cắt ngọn và sâu bệnh.
8	Téché ( <i>Tectona grandis L.</i> )	4.100	≥ 1	≥ 50	12	10x15	Cây không bị cắt ngọn, lá xanh, khỏe mạnh, không bị sâu bệnh.
9	Xà cừ ( <i>Khaya senegalensis</i> )	3.600	≥ 0,3	≥ 35	6 - 8	10x15	Cây không bị cắt ngọn, lá xanh, khỏe mạnh, không bị sâu bệnh.
10	Xoan ta ( <i>Melia azedarach Linn</i> )	3.800	≥ 0,6	≥ 70	10 - 12	10x16	Cây cứng cáp, không cắt ngọn, lá xanh, khỏe mạnh, không bị vóng lứt; không có biểu hiện bị sâu bệnh hại.
11	Keo lá tràm ( <i>Acacia auriculiformis</i> )	1.600	0,2 - 0,35	25 - 35	4	7x12	Cây sinh trưởng tốt, không bị sâu bệnh, cắt ngọn.
12	Giổi xanh ( <i>Michelia mediocris Dandy</i> )	6.000	≥ 0,7	≥ 60	10 - 12	13x16	Cây cứng cáp, không cắt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh, không bị vóng lứt; không có biểu hiện bị sâu bệnh hại.



10

13	Giới ăn hạt ghép ( <i>Michelia tonkinensis</i> )	27.000	$\geq 1$	$\geq 40$	4 - 6	10x15	Cây không bị cụt ngọn, lá xanh, khoẻ mạnh, không bị sâu bệnh.
14	Giới ăn hạt thực sinh ( <i>Michelia tonkinensis</i> )	10.000	$\geq 1$	$\geq 40$	4 - 6	10x15	Cây không bị cụt ngọn, lá xanh, khoẻ mạnh, không bị sâu bệnh.

